

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG THÀNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 261/2023/HS-ST.

Ngày: 29 -12 - 2023.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Hoa.

Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Sâm Châu.

Ông Trần Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Diễm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa:
Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 12 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai với hình thức trực tuyến tại hai điểm cầu: Điểm cầu trung tâm trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai gồm: Hội đồng xét xử, Kiểm sát viên, Thư ký Tòa án. Điểm cầu thành phần Nhà tạm giữ Công an huyện L, tỉnh Đồng Nai gồm: Bị cáo, Thư ký, cán bộ chiến sỹ thuộc nơi giam giữ đối với vụ án hình sự thụ lý số: 275/2023/TLST-HS ngày 01 tháng 12 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2023/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo:

Nguyễn Hữu N, sinh năm 2001 tại Cà Mau; Giới tính: Nam; Nơi đăng ký thường trú: ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Cà Mau; nơi sinh sống: không có nơi cư trú ổn định; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Tấn H và bà Tiêu Hồng T; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ ngày 09/9/2023 và chuyển tạm giam cho đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện L.

- Bị hại: Anh Lê Đình V, sinh năm 2002.

Nơi đăng ký thường trú: Buôn Krai, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi sinh sống: ấp F, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Vũ Văn M, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo, bị hại có mặt; anh M vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 19/8/2023, Nguyễn Hữu N gặp và quen biết anh Lê Đình V thông qua facebook. Đến ngày 26/8/2023, N đi chơi cùng với V tại tiệm internet thì N thấy V điều khiển xe mô tô SH 125i màu trắng đen, biển kiểm soát: 47D1-607.95 có giá trị cao nên lúc này N đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe mô tô này để bán trả nợ, N nhắn tin liên hệ với anh Vũ Văn M để hỏi về giá thu mua xe mô tô trên sản xuất 2020 biển số ở tỉnh Đắk Lắk thì M báo giá là 27.000.000 đồng nên N đã lên kế hoạch để lừa đảo V chiếm đoạt xe mô tô trên.

Đến 17 giờ 30 phút ngày 28/8/2023, V sử dụng xe mô tô nêu trên chở N đi uống bia tại khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Khi V đã say, N sử dụng xe của V chở V đến khách sạn H2 thuộc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai để nghỉ. Thấy V đang ngủ thì N lấy giấy đăng ký xe mô tô trong ví da của V và chụp hình lại gửi qua cho M để hỏi giá thì được M thông báo phải đưa xe đến cửa hàng thì mới báo giá cụ thể được, N đồng ý.

Đến 19 giờ 30 phút cùng ngày, V tỉnh dậy, N giả vờ mượn xe mô tô của V để đi mua đồ, V tin tưởng nên đã giao xe cho nghĩa sử dụng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô của V đến cửa hàng xe máy Văn M bán cho M được số tiền 27.000.000 đồng nhưng N không nói cho anh M biết nguồn gốc xe mô tô có được do chiếm đoạt của V, N chỉ nói với M là bạn nhờ bán dùm để đổi xe khác, trước đó N đã từng dẫn nhiều người đến bán xe cho M nên M tin tưởng. Sau đó, N trả nợ cho một người bạn tên H1 (không rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 15.000.000 đồng, số tiền còn lại N tiêu xài hết. Khi về gặp V thì V hỏi trả lại xe mô tô, lúc này N nói dối V là xe đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ do vi phạm giao thông. Nhiều ngày sau đó, V hỏi N về biên bản vi phạm giao thông thì N né tránh V. Đến ngày 09/9/2023, nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật nên N đến Công an xã B, huyện L để đầu thú.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 352/KL-HĐĐGTS ngày 14/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L xác định: Xe mô tô SH 125i màu trắng đen biển số 47D1-607.95, sản xuất năm 2023 đã qua sử dụng, trị giá 57.000.000 đồng.

Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Hữu N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 246/CT-VKS-LT ngày 24 tháng 11 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành đã truy tố bị cáo Nguyễn Hữu N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 174, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự, tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

- Về tang vật tạm giữ và xử lý vật chứng: 01 xe mô tô SH 125i màu trắng đen biển kiểm soát: 47D1-607.95; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, sim số 0366.324.780 của Nguyễn Hữu N. Ngày 09/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả xe mô tô nêu trên cho Lê Đình V là đúng pháp luật. Căn cứ các Điều 46, 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh và tịch thu tiêu hủy sim số 0366.324.780 của Nguyễn Hữu N.

- Về trách nhiệm dân sự: Khi N chiếm đoạt xe mô tô nêu trên của Lê Đình V đã làm xước sơn nên V yêu cầu N bồi thường số tiền 2.000.000 đồng. Anh Vũ Văn M yêu cầu N bồi thường số tiền 27.000.000 đồng. Đề nghị Tòa án tuyên buộc Nguyễn Hữu N bồi thường theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo, phù hợp với tài liệu, chứng cứ thu thập được tại hồ sơ vụ án và cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố, nên có cơ sở xác định: Nguyễn Hữu N và Lê Đình V là bạn bè. Vào lúc 19 giờ 30 phút ngày 28/8/2023, tại khách sạn H2 thuộc ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Nai, N đã thực hiện hành vi Lừa đảo chiếm đoạt xe mô tô SH 125i màu trắng đen biển kiểm soát: 47D1-607.95 của V có giá trị là 57.000.000 đồng bằng thủ đoạn N giả vờ mượn xe của V để đi mua đồ, V tin tưởng nên đã giao xe cho N sử dụng. Sau đó, N điều khiển xe mô tô

của V đến cửa hàng X tại khu phố L, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai bán cho Vũ Văn M được số tiền 27.000.000 đồng. Khi về gặp V thì V hỏi trả lại xe mô tô, lúc này thì N nói dối V là xe mô tô đã bị Cảnh sát giao thông tạm giữ do vi phạm giao thông. Nhiều ngày sau đó, V hỏi N về biên bản vi phạm giao thông thì N né tránh V. Đến ngày 09/9/2023, nhận thấy hành vi của mình là trái pháp luật nên N đến Công an xã B, huyện L để đầu thú. Do đó, hành vi của bị cáo N đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 174 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 (gọi tắt là Bộ luật hình sự năm 2015) như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an xã hội ở địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức về hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng xuất phát từ động cơ tư lợi, muốn có tiền để trả nợ, tiêu xài cá nhân nên vẫn thực hiện. Do đó, cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra, nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội. Căn cứ vào hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt tù để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo ra đầu thú. Do đó, giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[6] Về xử lý vật chứng: Ngày 09/9/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L đã trả xe mô tô nêu trên cho Lê Đình V là đúng pháp luật. Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh và tịch thu tiêu hủy sim số 0366.324.780 của Nguyễn Hữu N.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Lê Đình V yêu cầu N bồi thường số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) do khi N chiếm đoạt xe mô tô nêu trên của V đã làm xước sơn. Anh Vũ Văn M yêu cầu N bồi thường số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) là tiền anh M đã trả cho bị cáo khi anh M mua xe mô tô nói trên. Xét yêu cầu của anh V và anh M là có căn cứ và tại phiên tòa bị cáo cũng đồng ý bồi thường cho anh V và anh M số tiền nêu trên nên chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường theo quy định.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 1.450.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về vấn đề khác: Đối với Vũ Văn M mua xe mô tô nêu trên của N nhưng M không biết xe mô tô đó do N thực hiện hành vi phạm tội mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện L không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

[10] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu N phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu N 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/9/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu nộp vào ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh và tịch thu tiêu hủy sim số 0366.324.780 của Nguyễn Hữu N. (Vật chứng nêu trên hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Thành theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 29/11/2023).

3. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hữu N bồi thường cho Lê Đình V số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) và bồi thường cho Vũ Văn M số tiền 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.450.000 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự, bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện Long Thành;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Nhà tạm giữ Long Thành;
- Công an huyện Long Thành;
- Chi cục THADS huyện Long Thành;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hoa

